

Bản án số: 28/2020/HSST

Ngày: 15/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Cao Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thanh và ông Dương Tuấn Anh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 29/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Tôn Thất A (tên gọi khác: Cung) sinh ngày 03/02/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Kim S, xã Thủy B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất K và bà Nguyễn Thị H; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/11/2019, chuyển tạm giam từ ngày 14/11/2019 cho đến nay(có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 20/01/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: số 6 Định M, xã Hương T, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công H và bà Mai Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/11/2019, chuyển tạm giam từ ngày 14/11/2019 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Văn H, sinh ngày 17/5/1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn Bằng L, xã Thủy B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn K và bà Phan Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/11/2019, chuyển tạm giam từ ngày 14/11/2019 cho đến nay(có mặt tại phiên tòa)

***\* Bị hại***

1. Ông John Richar T (Sinh năm 1940; quốc tịch Úc), Trú tại: Nhà thôn Châu C, xã Thủy B, thị xã Hương Thủy, tỉnh TT- Huế. (vắng mặt)

2. Chị Dương Thị Phương T1; Sinh năm 1985; trú tại 73 Ông Ích K, thành phố Huế (vắng mặt).

3. Chị Trần Thị Kim A1; Sinh năm 1977, trú tại: 05 Chu Văn A, thành phố Huế. (vắng mặt)

4. Chị Lê Thị Ngọc M; Sinh năm 1977; trú tại 27 Nguyễn Lương B, phường Phú H, thành phố Huế. (có mặt)

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Tôn Nữ Lan A2, địa chỉ: 73 Hùng Vương, thành Phố Huế. (vắng mặt)

2. Anh Phạm Thế H1, sinh năm 1978; địa chỉ: 74A Ngõ 2 kiệt 27 Ngự B, phường An C, thành phố Huế. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1990; trú tại 170 Phan Bội C, phường Trường A, thành phố Huế (có mặt)

4. Anh Mai Văn B2; sinh năm 1989: trú tại: Hương T, Hương Trà, TT-Huế. (vắng mặt)

## NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

### **1/ Về hành vi Trộm cắp tài sản:**

Vào chiều ngày 06/11/2019, Tôn Thất A, Nguyễn Văn B và Lê Văn H đang chơi game tại quán Sky ở đường Phan Chu T, thành phố Huế thì hết tiền, nên cả ba nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để lấy tiền cùng nhau tiêu xài. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô 75F1-365.12 (do B thuê của chị Tôn Nữ Lan A2 ở 73 Hùng V, thành phố Huế) chở A và B đến địa phận thôn Châu C, xã Thủy B, thị xã Hương Thủy tìm nhà người dân sơ hở để thực hiện việc trộm cắp tài sản. Khi thấy nhà ông Nguyễn Công T, cho ông John Richar T thuê, không có người trông coi, thì H đứng ngoài canh giữ, B dùng kèm mang theo cắt hàng rào B40, rồi cùng A đột nhập vào trong nhà lấy tiền và tài sản của gồm: 8.000.000 đồng tiền Việt Nam, 5.500 đô la Úc, 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại Samsung-DUOS và 01 laptop hiệu Macbook Air. Sau đó, cả ba cùng nhau tiêu xài hết số tiền 6.955.000 đồng còn những tài sản khác chưa đem đi tiêu thụ thì bị phát hiện, thu giữ.

Tại Kết luận số 3256/KL-HĐĐG ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, xác định:

- 01 máy điện thoại Iphone 6 có giá trị 3.270.000 đồng.

- 01 máy điện thoại Samsung Galaxy-DUOS có giá trị 1.596.000 đồng.

- 01 máy laptop hiệu Macbook Air có giá trị 8.600.000 đồng.

Tại Công văn số 670/TTH-THNSKSNB ngày 11/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế, xác định tỷ giá hối đoái vào ngày 06/11/2019: 1 AUD (đô la Úc) có giá trị 15.886,73 VNĐ (đồng Việt Nam). Như vậy, 5.500 AUD có giá trị là 87.377.015 đồng.

Tổng giá trị tiền và tài sản mà Tôn Thất A, Lê Văn H và Nguyễn Văn B chiếm đoạt là 108.843.015 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 laptop hiệu Macbook Air, 01 máy điện thoại Samsung Galaxy-DUOS, 01 máy điện thoại Iphone 6.

- Số tiền 1.045.000 đồng.
- 103 đô la Úc có mệnh giá 50 đô la; 03 đô la Úc có mệnh giá 100 đô la; 02 đô la Úc có mệnh giá 20 đô la và 01 đô la Úc có mệnh giá 10 đô la.
- Xe mô tô 75F1-36512.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại những vật chứng thu giữ nêu trên cho người bị hại là ông John Richar T và trả lại xe mô tô 75F1-36512 cho chị Tôn Nữ Lan A2.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, ông John Richar T người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

**2/ Về hành vi Cướp giật tài sản:** Từ ngày 13/10/2019 đến 21/10/2019, Nguyễn Văn B và Tôn Thất A đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

*Vụ thứ nhất:* Khoảng 19 giờ ngày 13/10/2019, B điều khiển xe mô tô Exciter biển số 75F1-463.84 (là xe do B thuê của chị Tôn Nữ Lan A2) chở A chạy trên đoạn đường Trần Thúc N, khi đến trước số nhà 34 Trần Thúc N, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế thì cả hai phát hiện chị Phạm Thương T đang điều khiển xe mô tô 75F1-447.56 chở chị Dương Thị Phương T chạy phía trước, trên vai chị T có đeo một túi xách da màu đen hiệu Chanel, nên B nói với A “*giật túi xách đi*”. B điều khiển xe vượt lên bên trái xe mô tô do chị T điều khiển, để A ngồi phía sau giật túi xách trên vai chị T, rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, cả hai dừng xe lại để kiểm tra túi xách thì phát hiện bên trong có 01 điện thoại Iphone 6 plus màu bạc và số tiền 1.500.000 đồng.

Nguyễn Văn B và Tôn Thất A đem điện thoại Iphone 6 plus đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Phạm Thế H bán được 500.000 đồng, cả hai đã tiêu xài hết cùng với số tiền 1.500.000 đồng đã chiếm đoạt được.

Tại Kết luận định giá 324 ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự UBND thành phố Huế, xác định: 01 điện thoại Iphone 6 plus có giá trị là 2.500.000 đồng và 01 túi xách da màu đen hiệu Chanel có giá trị 50.000 đồng. Tổng giá trị tiền và tài sản Tôn Thất A và Nguyễn Văn B chiếm đoạt được là: 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

- Về vật chứng: Các bị cáo đã vớt túi xách da màu đen hiệu Chanel trên đường đi, không xác định được vị trí nên không thể truy tìm được. Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 plus, anh H đã bán lại cho người khách không quen biết nên không thể thu giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Thị Phương T yêu cầu Tôn Thất A và Nguyễn Văn B trả lại tiền cùng giá trị các tài sản chiếm đoạt là 4.050.000 đồng.

*Vụ thứ hai:* Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 18/10/2019, với thủ đoạn như trên, khi đi trên đường Nguyễn Tri P thì B và A phát hiện chị Trần Thị Kim A1 đang điều khiển xe mô tô 75B1-019.00 chạy phía trước, trên vai đeo túi xách da màu hồng, B liền điều khiển xe mô tô chạy vượt lên, để A giật túi xách, bên trong có 1.000.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát. Số tiền chiếm đoạt được cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá 324 ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự UBND thành phố Huế, xác định: 01 túi xách da màu hồng có giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tiền và tài sản Tôn Thất A và Nguyễn Văn B chiếm đoạt được là: 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng).

- Về vật chứng: Các bị cáo đã vứt túi xách da màu hồng trên đường đi, không xác định được vị trí nên không thể truy tìm được.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Kim A1 không yêu cầu Tôn Thất A và Nguyễn Văn B trả lại số tiền 1.000.000 đồng và giá trị chiếc túi xách mà cả hai đã chiếm đoạt.

*Vụ thứ ba:* Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/10/2019, với thủ đoạn như trên, B điều khiển xe mô tô biển số 75F1-463.84 chở A chạy trên đoạn đường ngã tư Thanh H, Trần Thái T, phát hiện chị Lê Thị Ngọc M đang điều khiển xe mô tô 75B1-077.39 đi phía trước, trên vai đeo túi xách da màu đen, B liền điều khiển xe chạy vượt lên, để A giật túi xách bên trong có 01 điện thoại Iphone 7 plus màu hồng, một điện thoại Samsung galaxy J6 màu đỏ, một đồng hồ hiệu CK màu trắng và 2.000.000 đồng. Sau đó, A và B đem điện thoại Iphone 7 plus đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Mai Văn B1 bán được 1.200.000 đồng và đem điện thoại Samsung galaxy J6 đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn Q để cầm cố với số tiền 1.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, B và A đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá 324 ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự UBND thành phố Huế, xác định: 01 điện thoại Iphone 7 plus có giá trị 4.000.000 đồng, 01 điện thoại Samsung galaxy J6 có giá trị 1.500.000 đồng, 01 túi xách da có giá trị 150.000 đồng và 01 đồng hồ CK có giá trị 200.000 đồng. Tổng giá trị tiền và tài sản Tôn Thất A và Nguyễn Văn B chiếm đoạt được là: 7.850.000 đồng (bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

\* Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại Samsung galaxy J6 do anh Nguyễn Văn Q giao nộp. Đối với chiếc túi xách da và đồng hồ CK, B và A đã vứt bỏ trên đường đi, không xác định được vị trí nên không thể truy tìm. Đối với chiếc điện thoại Iphone 7 plus, anh Mai Văn B1 đã tháo rời điện thoại thành những bộ phận riêng lẻ nên không thể thu hồi lại được.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Samsung galaxy J6 cho chị Lê Thị Ngọc M.

\* Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Ngọc M yêu cầu Tôn Thất A và Nguyễn Văn B trả lại tiền và giá trị các tài sản đã chiếm đoạt là 6.350.000 đồng. Tại phiên tòa, cả hai bị cáo đã tác động gia đình bồi thường lại toàn bộ số tiền trên cho chị M.

Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu bị cáo A và B hoàn trả lại số tiền 1.500.000 đồng đã cầm cố chiếc điện thoại Samsung galaxy J6.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 27 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Tôn Thất A, Nguyễn Văn B, Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, và truy tố bị cáo Tôn Thất A và Nguyễn Văn B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Tôn Thất A từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng Điều

55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Văn B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 04 năm đến 4 năm đến 4 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 07 năm đến 08 năm tù

Bị cáo Lê Văn H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại trong tội “Cướp giật tài sản” xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bi và Anh.

### **XÉT THẤY:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với người bị hại anh Takumi Nishioka, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án thông qua Đại sứ quan Nhật bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Đã có cơ sở để kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 06/11/2019, Tôn Thất A, Nguyễn Văn B và Lê Văn H đã lén lút đột nhập vào nhà ông Nguyễn Công T ở thôn Châu C, xã Thủy B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, chiếm đoạt tiền và tài sản của ông John Richar T gồm: 8.000.000 đồng tiền Việt Nam, 5.500 đô la Úc, 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại Samsung-DUOS và 01 laptop hiệu Macbook Air. Tổng giá trị tiền và tài sản chiếm đoạt là: 108.843.015 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 13/10/2019 đến ngày 21/10/2019, bị cáo B và bị cáo A đã cùng nhau dùng xe mô tô để thực hiện hành vi giật tài sản của 03 người trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm: giật của chị Dương Thị Phương T 01 túi xách da bên trong có điện thoại Iphone 6 plus và 1.500.000 đồng; giật của chị Trần Thị Kim A1 01 túi xách da bên trong có 1.000.000 đồng và giật của chị Lê Thị Ngọc M 01 túi xách da bên trong có điện thoại Iphone 7, điện thoại Samsung J6, đồng hồ CK và 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tiền và tài sản mà A và B chiếm đoạt được là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu

đồng). Hành vi nêu trên của Tôn Thất A và Nguyễn Văn B đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên phạm vào tội: “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d (dùng thủ đoạn nguy hiểm) khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 27/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố Tôn Thất A, Nguyễn Văn B và Lê Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản và dùng thủ đoạn nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động chân chính, dẫn đến việc phạm tội. Đây là vụ án có 02 người trở lên cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên vụ án có đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên hành vi của các bị cáo giản đơn, nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo B và A trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò đồng phạm là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm chính; bị cáo H đứng ngoài canh gác nên giữ vai trò đồng phạm là người giúp sức. Đối với tội “Cướp giật tài sản” bị cáo B là người chủ động thuê xe rồi chở bị cáo A, để bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội nên cả hai giữ vai trò đồng phạm là người thực hành, tuy nhiên bị cáo B phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương do đó, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự .

Đối với tội “Cướp giật tài sản”: Hai bị cáo A và B thực hiện ba lần cướp tài sản nên phạm vào tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội “Cướp giật tài sản”: Các bị cáo A và B đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, thành khẩn khai báo và tự thú về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Ông John Richar T và chị Lan A1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo Tôn Thất A, Nguyễn Văn B và Lê Văn H bồi thường, nên không xem xét.

- Chị Trần Thị Kim A1 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.
  - Chị Dương Thị phương T yêu cầu Tôn Thất A, Nguyễn Văn B trả lại số tiền cùng giá trị tài sản chiếm đoạt 4.050.000 đồng. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường theo phần mỗi bị cáo 2.025.000 đồng
  - Chị Lê Thị Ngọc M yêu cầu bị cáo A và B trả lại tiền và giá trị các tài sản đã chiếm đoạt là 6.350.000 đồng. Tại phiên tòa, chị đã nhận đủ số tiền trên nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.
  - Anh Nguyễn Văn Q và anh Phạm Thế H không yêu cầu Tôn Thất A, Nguyễn Văn B hoàn trả lại số tiền cầm cố điện thoại nên không xem xét.
- [6] Về xử lý vật chứng: Đối với phương tiện là các xe mô tô mà các bị cáo thuê của chị Lan A2, khi các bị cáo dùng phương tiện trên để phạm tội chị Lan A2 không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại các xe mô tô cho chị Lan A2 theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- [7] Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1, Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Tôn Thất A 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Tôn Thất A phải chấp hành là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 08/11/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành là 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2019.

2, Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 08/11/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Buộc bị cáo Tôn Thất A và Nguyễn Văn B liên đới bồi thường cho chị Dương Thị Phương T số tiền 4.050.000 đồng, cụ thể: Tôn Thất A phải bồi thường 2.025.000 đồng và Nguyễn Văn B bồi thường 2.025.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Tôn Thất A, Nguyễn Văn B và Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Tôn Thất A và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa bồi thường xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh;
- Cục Thi hành án DS tỉnh
- Sở Tư pháp TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Trương Cao Sơn**